TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **25**/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 08/6/2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phan Thị Tý
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Quang Thìn
Ông Nguyễn Thành Hạnh

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Hồ Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:* Anh Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Nhung**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TP 2, xã TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn B**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TP 2, xã TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ntrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn B chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra mâu thuẫn từ năm 2015, nhưng vì thương các con, không muốn gia đình tan vỡ nên chị N cố gắn chịu đựng, nín nhịn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con, đến 2019 thì xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Nguyễn B không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên rượu chè, ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị N. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn chị N đã nhiều lần khuyên nhủ và nhờ chính quyền địa phương khuyên nhủ nhưng Anh B không thay đổi. Nay chị N xác

định tình cảm dành cho Anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Anh B.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống Chị N và Anh B có 02 con chung tên Nguyễn Thị H N, sinh ngày 16/9/2002 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 19/12/2007.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phát, còn cháu Ngọc đã thành niên nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị N không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn B và chị Phạm Thị N sống chung với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống gia đình hạnh phúc, đến năm 2019 thì giữa vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bất hòa là do chị N sống tự do, thường hay đi chơi với bạn bè, ít quan tâm đến Anh B, Anh B cũng thừa nhận bản thân có lỗi là hay uống rượu rồi có những lời lẽ nặng nhẹ đối với chị N hung. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì Anh B không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống Anh B và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Thị H N, sinh ngày 16/9/2002 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 19/12/2007. Trường hợp ly hôn, Anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phát. Đối với cháu Ngọc đã thành niên nên Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Anh B không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự để xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Phạm Thị Nvà bị đơn Nguyễn B.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày 19/12/2007 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Phạm Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn B và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Nguyễn B cư trú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

3. Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Nguyễn B nhưng Anh B vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nvà anh Nguyễn B chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp do không tuân thủ đầy đủ các quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó không làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống giữa chị N và Anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa, không hòa hợp, không tôn trọng nhau, không tin tưởng và không có sự cảm thông cho nhau, Anh B thường hay rượu chè, chưởi bới, xúc phạm chị N hung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn B. Theo quy định tại tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Nvà anh Nguyễn B là phù hợp.

[4.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị N và Anh B có 02 con chung tên Nguyễn Thị H N, sinh ngày 16/9/2002 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 19/12/2007. Khi ly hôn, chị N và Anh B đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các bên cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng Anh B không cung cấp. Xét thấy, cháu Phát còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Phát cũng có nguyện vọng được ở với chị N hung, bản thân chị N có thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo được cuộc sống của cháu P nên cần giao cháu P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 19/12/2007 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn B được thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị N phải chịu là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004561 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tý